TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-ST

Ngày: 05/7/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thuỷ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp dân sự *"Hợp đồng dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần P2; trụ sở số 41 và 45, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P2.

Người đại diện ủy quyền: Trương Vĩnh N và Nguyễn Vĩnh Q – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần P2 (văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023). (ông N có mặt)

*** Bị đơn:**

+ Nguyễn Ngô Huy P, sinh năm 1977; địa chỉ số A, khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

+ Lâm Tuyết C, sinh năm 1975; địa chỉ số F, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P2, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trương Vĩnh N đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu vay vốn của khách hàng, nên Ngân hàng thương mại cổ phần P2 – Chi nhánh V (viết tắt là Ngân hàng) thống nhất cho ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C vay số tiền 230.000.000đ; mục đích vay thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa số 169, tờ bản đồ 33, tại khóm F, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; thời hạn vay 168 tháng; lãi suất cho vay 10,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, theo Hợp đồng tín dụng số: 0087/2019/HĐTD-OCB-CN, ngày 21/02/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 0087-01/SĐBS-HĐTD, ngày 26/02/2019 và khế ước nhận nợ số 0087/2019/KUNN-OCB-CN, ngày 21/02/2019.

Để bảo đảm các khoản vay trên, ông P, bà C có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0087A/2019/BĐ, ngày 26/02/2019. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO644208, thuộc thửa số 169, tờ bản đồ 33, diện tích 82,4m^2, tọa lạc tại khóm F, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do ông P, bà C đứng tên.

Ngoài ra, Ngân hàng còn cấp cho ông P một thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0710, ngày 16/9/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà C đã thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đến ngày 28/10/2023 thì không khả năng thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ tạo điều kiện cho ông P, bà C thanh toán nhưng ông bà vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông P, bà C đã vi phạm hợp đồng nên toàn bộ số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà Chi trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 146.727.224đ (tiền gốc 145.010.000đ và tiền lãi 1.717.224đ (lãi trong hạn 1.700.845đ; lãi quá hạn 16.379đ); tiền nợ thẻ bằng 47.814.527đ (trong đó gốc 26.784.332đ và lãi 21.030.195đ); Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông P, bà Chi trả hết nợ. Trường hợp ông P, bà C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Riêng đối với số tiền phí của thẻ tín dụng đến ngày 05/7/2024 bằng 16.867.275đ, ông đại diện cho nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này.

Bị đơn Nguyễn Ngô Huy P và Lâm Tuyết C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông bà không có văn bản nêu ý

kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P2. Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm T1 Chi trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi bằng 146.727.224đ và tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc. Trường hợp ông P, bà C không khả năng trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc, lãi đối với hợp đồng thẻ tín dụng bằng 47.814.527đ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán khoản phí của hợp đồng thẻ tín dụng bằng 16.867.275đ.

- Buộc ông P, bà C chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản, mục đích vay để tiêu dùng, bị đơn có địa chỉ tại thành phố V cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ các bị đơn để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung**: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số: 0087/2019/HĐTD-OCB-CN, ngày 21/02/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 0087-01/SĐBS-HĐTD, ngày 26/02/2019 và khế ước nhận nợ số 0087/2019/KUNN-OCB-CN, ngày 21/02/2019 cho thấy ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C có ký kết

giao dịch dân sự với Ngân hàng thương mại cổ phần P2 – Chi nhánh V và nhận tổng số tiền gốc 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là có thật. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà C đã thực hiện đúng nghĩa vụ đến ngày 28/10/2023 thì không trả tiền gốc, lãi đúng hạn nên số dư nợ chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/7/2024, ông P, bà C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi 146.727.224đ (tiền gốc 145.010.000đ và tiền lãi 1.717.224đ. Xét thấy, việc ông P, bà C không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P, bà C vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà C hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0087A/2019/BĐ, ngày 26/02/2019 đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét về mặt hình thức thì Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai là phù hợp với khoản 3 Điều 167 và khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013, cho nên, hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì các tài sản thế chấp được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[6] Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0710, ngày 16/9/2022 đã thể hiện ông P có ký hợp đồng với Ngân hàng để yêu cầu mở thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ là có thật. Quá trình sử dụng thẻ đến nay ông P còn nợ tiền gốc và tiền lãi 47.814.527đ (tiền gốc 26.784.332đ và lãi 21.030.195đ. Xét thấy, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc, lãi 47.814.527đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[7] Đối với số tiền phí của hợp đồng thẻ tín dụng bằng 16.867.275đ, tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội

đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này bằng 1.200.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[9] **Về án phí:** Ông P, bà C chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với hợp đồng tín dụng bằng 7.336.000đ; ông P chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với hợp đồng thẻ tín dụng bằng 2.391.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nội dung

1.1. Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 số tiền tổng cộng bằng 146.727.000đ (trong đó tiền gốc 145.010.000đ và tiền lãi 1.717.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0087A/2019/BĐ, ngày 26/02/2019, công chứng tại Văn phòng C1, số 01906, quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 26/02/2019; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ngày 26/02/2019.

1.2. Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 số tiền nợ thẻ tín dụng 47.814.000đ (trong đó tiền gốc 26.784.000đ và lãi 21.030.000đ).

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông P phải thanh toán khoản phí của hợp đồng thẻ tín dụng bằng 16.867.275đ. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng khác

Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2.

3. Án phí

Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P, bà Lâm Tuyết C nộp 7.336.000đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Ngô Huy P chịu 2.391.000đ (Hai triệu ba trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần P2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.112.000đ (Năm triệu một trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006664, ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

4. Nghĩa vụ thi hành án

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/7/2024), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi chậm trả lãi (nếu có), theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0087/2019/HĐTD-OCB-CN, ngày 21/02/2019; khế ước nhận nợ số 0087/2019/KUNN-OCB-CN, ngày 21/02/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0710, ngày 16/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt

tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,…

Võ Tấn Thành